

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-UBND

Sơn La, ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Chương trình khuyến công tỉnh Sơn La giai đoạn 2026 - 2030

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công; Nghị định số 235/2025/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công;

Căn cứ Thông tư số 46/2012/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 20/2017/TT-BCT;

Căn cứ Thông tư số 36/2013/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về việc xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý kinh phí khuyến công quốc gia, được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 17/2018/TT-BCT ngày 10 tháng 7 năm 2018;

Căn cứ Thông tư số 28/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công, được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 64/2024/TT-BTC ngày 28 tháng 8 năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 2646/QĐ-BCT ngày 23 tháng 9 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương phê duyệt Chương trình khuyến công quốc gia giai đoạn 2026 - 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 109/2025/NQ-HĐND ngày 29 tháng 4 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La quy định mức chi hoạt động khuyến công địa phương trên địa bàn tỉnh Sơn La;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 121/TTr-SCT ngày 14 tháng 4 năm 2026 và Công văn số 1052/SCT-QLCN ngày 29 tháng 4 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình khuyến công tỉnh Sơn La giai đoạn 2026 – 2030.

(Có Chương trình khuyến công kèm theo)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Công Thương; Tài chính; Nông nghiệp và Môi trường; Khoa học và Công nghệ; Giám đốc Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch; Chủ tịch UBND các xã, phường và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ Công Thương (b/c);
- TT. Tỉnh uỷ (b/c);
- TT. HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, Biên KT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thành Công

CHƯƠNG TRÌNH

Khuyến công tỉnh Sơn La giai đoạn 2026 - 2030

I. QUAN ĐIỂM CHƯƠNG TRÌNH

1. Phát triển hoạt động khuyến công gắn với mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn; phát triển công nghiệp nông thôn (CNNT) theo hướng bền vững, thân thiện môi trường và thích ứng với chuyển đổi số.

2. Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực của Nhà nước, doanh nghiệp và xã hội để thúc đẩy phát triển công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp (CN-TTCN), nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị gia tăng sản phẩm.

3. Hoạt động khuyến công phải gắn với quy hoạch phát triển công nghiệp của tỉnh, phát huy lợi thế địa phương về chế biến nông lâm sản, sản phẩm đặc trưng vùng miền và nghề truyền thống.

4. Ưu tiên hỗ trợ cơ sở công nghiệp nông thôn tại vùng khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số; khuyến khích đổi mới công nghệ, sản xuất sạch hơn, kinh tế tuần hoàn và kinh tế xanh.

5. Tăng cường sự phối hợp giữa cơ quan quản lý Nhà nước, doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, tổ chức khoa học công nghệ và các tổ chức xã hội trong triển khai hoạt động khuyến công.

6. Gắn kết chặt chẽ với Chương trình “Mỗi xã một sản phẩm (OCOP) và xây dựng nông thôn mới” để tạo sự đồng bộ trong triển khai các nguồn lực hỗ trợ, thúc đẩy liên kết chuỗi giá trị, phát triển sản phẩm chủ lực của tỉnh để khai thác tối đa lợi thế địa phương.

II. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH

1. Mục tiêu chung

- Phát triển CNNT tỉnh Sơn La theo hướng hiện đại, bền vững; nâng cao năng lực sản xuất, chất lượng sản phẩm và khả năng cạnh tranh của các cơ sở công nghiệp nông thôn; góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, tạo việc làm và tăng thu nhập cho người dân.

- Kích hoạt, huy động và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực cho phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, gắn với xây dựng nông thôn mới và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

- Đẩy mạnh các hoạt động khuyến công theo hướng kết hợp giữa Nhà nước với doanh nghiệp, theo chuỗi ngành hàng, chuyển đổi số; tăng cường hỗ trợ ứng dụng khoa học, đổi mới công nghệ nhằm chuyển dịch cơ cấu kinh tế từ các ngành thâm dụng tài nguyên và lao động sang các ngành thâm dụng vốn và công nghệ; nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị gia tăng của các sản phẩm CNNT.

- Khuyến khích, hỗ trợ sản xuất sạch hơn, sản xuất và tiêu dùng bền vững hướng đến các ngành công nghiệp xanh, công nghiệp các-bon (carbon) thấp gắn với bảo vệ môi trường, thúc đẩy kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế số.

- Tạo điều kiện cho các cơ sở CNNT nâng cao năng lực cạnh tranh, thích ứng với các tiêu chuẩn và tham gia vào các chuỗi giá trị khu vực. Địa phương thực hiện được các đề án khuyến công có tác động lan tỏa, hỗ trợ sản xuất các sản phẩm có tiềm năng, lợi thế cạnh tranh của vùng, địa phương.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật; chuyển giao công nghệ và ứng dụng máy móc tiên tiến, tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp; hỗ trợ áp dụng sản xuất sạch hơn, sản xuất và tiêu dùng bền vững:

- Hỗ trợ xây dựng 04 mô hình trình diễn kỹ thuật để phổ biến công nghệ mới, sản xuất sản phẩm mới.

- Hỗ trợ xây dựng 02 mô hình thí điểm về áp dụng sản xuất sạch hơn trong công nghiệp cho các cơ sở CNNT.

- Hỗ trợ 23 cơ sở ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến, chuyển giao công nghệ, tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp; Hỗ trợ 05 dây chuyền công nghệ tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp.

b) Hỗ trợ phát triển sản phẩm công nghiệp nông thôn:

- Tổ chức 02 chương trình bình chọn và trao giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh; Hỗ trợ 05 phòng trưng bày để giới thiệu, quảng bá sản phẩm tại các điểm trưng bày trên địa bàn tỉnh; hỗ trợ 45 cơ sở CNNT có sản phẩm CNNT tiêu biểu cấp quốc gia, cấp tỉnh trưng bày, giới thiệu sản phẩm tại cơ sở.

- Tổ chức 01 hội chợ, triển lãm hàng công nghiệp nông thôn, hàng thủ công mỹ nghệ trong nước; Hỗ trợ các cơ sở CN-TTCN tham gia 05 hội chợ, triển lãm trong nước; Tham gia 09 hội chợ, triển lãm quảng bá sản phẩm công nghiệp tiêu biểu của tỉnh; Hỗ trợ 100% chi phí vé máy bay cho 08 cơ sở công nghiệp nông thôn tham gia khảo sát, học tập kinh nghiệm tại nước ngoài.

- Hỗ trợ xây dựng và đăng ký 50 nhãn hiệu sản phẩm công nghiệp nông thôn; hỗ trợ 45 cơ sở công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp thuê tư vấn, trợ giúp thiết kế mẫu mã, bao bì đóng gói.

c) Hỗ trợ xúc tiến đầu tư phát triển cụm công nghiệp; xử lý môi trường tại các cụm công nghiệp, cơ sở công nghiệp nông thôn: Hỗ trợ công nghệ, máy móc thiết bị xử lý nước thải, khí thải tại 02 cụm công nghiệp.

d) Hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực có chất lượng; nâng cao năng lực quản lý; tư vấn, trợ giúp các cơ sở CNNT:

- Hỗ trợ 04 lớp đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật nâng cao kiến thức và tay nghề cho thợ giỏi, nghệ nhân tiêu thủ công nghiệp, truyền nghề cho người lao động.

- Hỗ trợ thành lập 06 doanh nghiệp sản xuất công nghiệp nông thôn tại các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật.

e) Hỗ trợ tư vấn thông tin phát triển CNNT; công tác truyền thông:

- Xây dựng 04 chương trình truyền hình, truyền thanh tuyên truyền, phổ biến chính sách phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp.

- Xuất bản 5.000 bản tin ấn phẩm về các hoạt động trong sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp.

g) Nâng cao năng lực tổ chức thực hiện các hoạt động khuyến công

- Tham dự các hội nghị, hội thảo, tập huấn về chương trình hoạt động khuyến công do Bộ Công Thương tổ chức tại các tỉnh, thành phố; đầu tư cơ sở vật chất, phương tiện làm việc cho Khuyến công và PTCN.

- Tổ chức 05 đoàn khảo sát, học tập kinh nghiệm về hoạt động khuyến công, khuyến khích phát triển công nghiệp, cụm công nghiệp ở trong nước và nước ngoài;

- Kiểm tra, giám sát, hướng dẫn triển khai thực hiện các chương trình, đề án khuyến công hàng năm;

III. YÊU CẦU

1. Phù hợp với đường lối, chủ trương của Đảng, quy định pháp luật của Nhà nước, kế hoạch, chương trình phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và ngành nghề trên địa bàn tỉnh; góp phần hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ ngành Công Thương giai đoạn 2026 - 2030.

2. Thực hiện có chất lượng, hiệu quả chương trình, bảo đảm phát huy tối đa nguồn lực, năng lực hiện có của các cơ sở CNNT trên địa bàn tỉnh.

3. Tăng cường trách nhiệm của các sở, ngành, các xã, phường, các tổ chức xã hội trong chỉ đạo, phối hợp, triển khai, kiểm tra, giám sát các hoạt động khuyến công. Nâng cao vai trò, vị trí của các cơ quan quản lý Nhà nước về Công Thương ở địa phương, năng lực thực hiện của Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Du lịch và Thương mại tỉnh, tạo sự gắn kết với cộng đồng doanh nghiệp, cơ sở CNNT.

IV. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI ÁP DỤNG, THỜI GIAN THỰC HIỆN

1. Đối tượng áp dụng

a) Doanh nghiệp nhỏ và vừa, tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, hộ kinh doanh trực tiếp đầu tư, sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp tại các xã, phường của tỉnh Sơn La (sau đây gọi chung là cơ sở công nghiệp nông thôn).

b) Cơ sở sản xuất công nghiệp áp dụng sản xuất sạch hơn, sản xuất và tiêu dùng bền vững; doanh nghiệp, hợp tác xã là chủ đầu tư xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp.

c) Nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú trong lĩnh vực nghề thủ công mỹ nghệ.

d) Tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài tham gia công tác quản lý, thực hiện các hoạt động dịch vụ khuyến công

2. Phạm vi áp dụng

Chương trình gồm các nội dung hoạt động khuyến công quy định tại Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21/5/2012 của Chính phủ về khuyến công (*được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 235/2025/NĐ-CP ngày 27/8/2025 của Chính phủ*) nhằm khuyến khích, hỗ trợ các tổ chức, cá nhân tham gia phát triển sản xuất công nghiệp nông thôn, áp dụng sản xuất sạch hơn, sản xuất và tiêu dùng bền vững.

3. Thời gian thực hiện: Từ năm 2026 đến hết năm 2030.

V. NỘI DUNG CỦA CHƯƠNG TRÌNH

1. Hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật; chuyển giao công nghệ và ứng dụng máy móc tiên tiến, tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất CN-TTCN; hỗ trợ áp dụng sản xuất sạch hơn, sản xuất và tiêu dùng bền vững

a) Hỗ trợ xây dựng các mô hình trình diễn kỹ thuật phổ biến công nghệ mới, sản xuất sản phẩm mới. Ưu tiên xây dựng các mô hình về chế biến nông, lâm, thủy sản, mô hình ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất công nghiệp; mô hình tổ chức sản xuất theo hướng tuần hoàn, mô hình phát triển sản xuất để giảm nghèo bền vững cho các đối tượng yếu thế ở địa bàn khó khăn; mô hình khác theo nhu cầu của sản xuất, thị trường và định hướng phát triển của ngành, địa phương.

b) Hỗ trợ ứng dụng máy móc thiết bị, dây chuyền công nghệ mới, tiên tiến hiện đại vào các khâu sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp. Đổi mới, nâng cấp quy trình sản xuất theo hướng tự động hóa, nâng cao năng suất, chất lượng và gia tăng giá trị sản phẩm.

c) Hỗ trợ tư vấn, đánh giá, lựa chọn giải pháp và xây dựng các mô hình về áp dụng sản xuất sạch hơn, sản xuất và tiêu dùng bền vững.

2. Hỗ trợ phát triển sản phẩm công nghiệp nông thôn

a) Tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh; hỗ trợ tổ chức hội chợ, triển lãm sản phẩm công nghiệp nông thôn, sản phẩm thủ công mỹ nghệ; hỗ trợ các cơ sở CNNT tham gia các hội chợ, triển lãm và các hoạt động xúc tiến thương mại trong và ngoài nước.

b) Hỗ trợ đăng ký nhãn hiệu; hỗ trợ thuê tư vấn, trợ giúp thiết kế mẫu mã, bao bì đóng gói; hỗ trợ đầu tư phòng trưng bày giới thiệu sản phẩm.

c) Hỗ trợ ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong hoạt động bình chọn sản phẩm CNNT tiêu biểu các cấp và xây dựng hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về sản phẩm, ngành hàng, thị trường. Hỗ trợ xây dựng website, gian hàng số, tài khoản mạng xã hội, truy xuất nguồn gốc đối với sản phẩm CNNT và các hoạt động số hóa khác.

3. Hỗ trợ xúc tiến đầu tư phát triển cụm công nghiệp; xử lý môi trường tại các cụm công nghiệp, cơ sở công nghiệp nông thôn

a) Hỗ trợ tổ chức các hội nghị, hội thảo, diễn đàn xúc tiến đầu tư phát triển cụm công nghiệp.

b) Hỗ trợ công nghệ, máy móc thiết bị xử lý nước thải, khí thải tại các cụm công nghiệp, cơ sở công nghiệp nông thôn.

4. Hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực có chất lượng; nâng cao năng lực quản lý; tư vấn, trợ giúp các cơ sở CNNT

a) Hỗ trợ đào tạo theo đơn đặt hàng cho các cơ sở CNNT, ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số trong các khâu của quá trình đào tạo. Các ngành nghề ưu tiên hỗ trợ đào tạo: giải quyết nhiều việc làm, sản xuất sản phẩm phục vụ du lịch và xuất khẩu, khôi phục phát triển ngành nghề truyền thống, đào tạo kiến thức pháp luật, kinh doanh, đổi mới sáng tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn.

b) Hỗ trợ tư vấn chuyển đổi hộ kinh doanh thành doanh nghiệp. Hỗ trợ, đào tạo khởi sự kinh doanh, quản trị doanh nghiệp.

5. Hỗ trợ tư vấn thông tin phát triển CNNT; công tác truyền thông

a) Xây dựng chương trình truyền hình, truyền thanh; phát hành các bản tin, ấn phẩm; xây dựng dữ liệu, trang thông tin điện tử và các hình thức thông tin đại chúng khác. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong công tác truyền thông.

b) Tư vấn, hướng dẫn lập dự án đầu tư; marketing; quản lý sản xuất, tài chính, kế toán, nhân lực; liên doanh, liên kết trong sản xuất kinh doanh; thiết kế mẫu mã, bao bì đóng gói; ứng dụng công nghệ, thiết bị mới liên quan đến sản xuất CNNT. Hướng dẫn tiếp cận các chính sách ưu đãi đầu tư, chính sách đất đai, chính sách khoa học công nghệ, chính sách tài chính, tín dụng và các chính sách ưu đãi khác của Nhà nước.

c) Hỗ trợ công bố thông tin về kế hoạch, chương trình, dự án, thông tin chỉ dẫn kinh doanh, tín dụng, thị trường, sản phẩm, công nghệ, các thông tin khác theo nhu cầu của cơ sở CNNT trên trang thông tin điện tử của sở, ngành, địa phương và của Bộ Công Thương phù hợp với quy định của pháp luật.

6. Nâng cao năng lực tổ chức thực hiện các hoạt động khuyến công

a) Tham gia tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác khuyến công.

b) Tổ chức tham quan khảo sát, học tập kinh nghiệm trong và ngoài nước; hội thảo chuyên đề, hội nghị đánh giá tổng kết về hoạt động khuyến công. Xây dựng, tổ chức hoặc tham gia thực hiện hoạt động khuyến công trong các chương trình, đề án, dự án hợp tác quốc tế trong và ngoài nước.

c) Ứng dụng công nghệ thông tin; cập nhật và hoàn thiện cơ sở dữ liệu về quản lý khuyến công.

d) Kiểm tra giám sát, xây dựng cơ chế chính sách, quản lý chương trình đề án khuyến công.

VI. KINH PHÍ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Nguồn kinh phí thực hiện Chương trình

Nguồn hỗ trợ từ kinh phí khuyến công quốc gia; nguồn đối ứng từ các tổ chức, cá nhân tham gia chương trình; nguồn ngân sách địa phương và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật (nếu có).

2. Tổng kinh phí thực hiện Chương trình

Tổng kinh phí hỗ trợ: 25.965 triệu đồng. Trong đó:

- Kinh phí từ nguồn khuyến công quốc gia: 7.530 triệu đồng.

- Kinh phí từ nguồn khuyến công tỉnh: 18.435 triệu đồng.

(Chi tiết nội dung, kinh phí thực hiện cụ thể tại phụ lục kèm theo).

VII. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo các cấp, các ngành, tổ chức đoàn thể xã hội trong chỉ đạo, điều hành phối hợp, triển khai các hoạt động khuyến công. Nâng cao vai trò, trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị tổ chức triển khai hoạt động khuyến công; thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện Chương trình đảm bảo đúng đối tượng, đúng mục đích, đúng quy định của pháp luật.

2. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến các chủ trương chính sách của Nhà nước về khuyến công để người dân, doanh nghiệp nhận thức Chương trình khuyến công của tỉnh là một chủ trương đúng đắn và phù hợp với điều kiện hiện nay của địa phương. Huy động các doanh nhân, doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ gia đình tích cực tham gia và hỗ trợ cho các hoạt động khuyến công.

3. Thường xuyên rà soát, xây dựng, bổ sung, sửa đổi hoàn thiện các cơ chế, chính sách của tỉnh trong lĩnh vực khuyến công; việc lựa chọn doanh nghiệp, cơ sở thụ hưởng đảm bảo công khai minh bạch, đúng đối tượng, đúng quy định, tạo sự gắn kết với cộng đồng doanh nghiệp, cơ sở CNNT.

4. Tăng cường tư vấn, trợ giúp thông tin cho cơ sở CNNT. Đa dạng hóa các hình thức thông tin tuyên truyền để các cơ sở CNNT nắm bắt và chủ động tham gia Chương trình. Tăng cường ứng dụng dựa trên các nền tảng di động, công nghệ thông tin thông minh, thương mại điện tử trong quảng bá, giới thiệu sản phẩm.

5. Nâng cao chất lượng trong công tác khảo sát, xây dựng đề án khuyến công; tăng cường kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc thực hiện Đề án khuyến công đảm bảo nguồn kinh phí khuyến công được sử dụng đúng đối tượng, đúng mục đích và đúng quy định của pháp luật, của tỉnh.

6. Tăng cường sự phối hợp hoạt động của các cơ quan quản lý Nhà nước với các tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể, các tổ chức, cá nhân nhằm thúc đẩy hoạt động khuyến công.

7. Bảo đảm cân đối bố trí kinh phí khuyến công tỉnh hàng năm đáp ứng đủ và kịp thời nhu cầu vốn cho hoạt động khuyến công để triển khai thực hiện chương trình đạt hiệu quả nhất. Ngoài nguồn ngân sách tỉnh cấp hàng năm, huy động nguồn vốn đầu tư từ các tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện Chương trình và nguồn vốn khác theo quy định của pháp luật.

8. Hỗ trợ tạo điều kiện cho các cơ sở CNNT có sản phẩm tiêu biểu mở rộng sản xuất, tìm kiếm mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm thông qua các hoạt động xúc tiến thương mại.

VIII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Công Thương

- Tham mưu UBND tỉnh rà soát, sửa đổi, hoàn thiện, ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành các văn bản pháp luật về hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh đảm bảo phù hợp với các quy định hiện hành.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành hướng dẫn các cơ quan, đơn vị tổ chức thực hiện Chương trình; hướng dẫn, xử lý những vướng mắc liên quan đến hoạt động khuyến công.

- Thẩm định các đề án thực hiện bằng nguồn kinh phí khuyến công Quốc gia gửi Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công thẩm định, trình Bộ Công Thương phê duyệt; tham gia ý kiến đối với các đề án khuyến công địa phương.

- Kiểm tra, giám sát công tác nghiệm thu các chương trình, đề án khuyến công trên địa bàn tỉnh theo mục tiêu Chương trình đề ra.

- Theo dõi, tổng hợp báo cáo định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu của Bộ Công Thương, UBND tỉnh.

2. Sở Tài chính

- Căn cứ khả năng cân đối ngân sách, chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí thực hiện Chương trình khuyến công địa phương theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Chủ trì thẩm định dự toán kinh phí thực hiện đề án, nhiệm vụ khuyến công hằng năm; hướng dẫn lập, quản lý sử dụng và thanh quyết toán kinh phí theo quy định.

3. Sở Nông nghiệp và Môi trường

Phối hợp với Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch lồng ghép các nguồn lực, các Chương trình mục tiêu quốc gia (*Chương trình xây dựng nông thôn mới, Kế hoạch triển khai Chương trình Mỗi xã một sản phẩm trên địa bàn tỉnh Sơn La*) trong việc triển khai các hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh.

4. Sở Khoa học và Công nghệ

Chủ trì, phối hợp với Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tuyên truyền tới các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp kết quả các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đã nghiệm thu hiệu quả để doanh nghiệp lựa chọn ứng dụng vào thực tiễn sản xuất; tìm kiếm và thông tin tuyên truyền về những công nghệ tiên tiến, phù hợp với năng lực sản xuất tại địa phương; hỗ trợ doanh nghiệp xác lập, khai thác, phát triển và bảo vệ tài sản trí tuệ (gồm hướng dẫn đăng ký bảo hộ nhãn hiệu, kiểu dáng công nghiệp, sáng chế, giải pháp hữu ích,...) đối với sản phẩm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp.

5. Các sở, ban, ngành có liên quan

- Các sở, ngành liên quan theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao phối hợp triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình khuyến công; thực hiện lồng ghép các dự án thuộc các chương trình mục tiêu của do ngành, đơn vị mình quản lý với các đề án khuyến công thuộc Chương trình này để triển khai thực hiện; phối hợp tuyên truyền để các doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất được biết và tham gia chương trình.

- Báo và Phát thanh, Truyền hình tỉnh: tăng thời lượng thông tin, tuyên truyền chủ trương chính sách khuyến khích phát triển công nghiệp của Đảng, Nhà nước và của tỉnh; giới thiệu tình hình, kết quả hoạt động khuyến công, các mô hình sản xuất kinh doanh hiệu quả, công nghệ, kỹ thuật tiên bộ, sản phẩm mới, sản phẩm tiêu biểu, những làng nghề, doanh nhân thành đạt... góp phần tạo khí thế thúc đẩy phát triển công nghiệp nông thôn.

6. Ủy ban nhân dân các xã, phường

- Tuyên truyền, hướng dẫn các cơ sở công nghiệp nông thôn trên địa bàn đăng ký tham gia hoạt động khuyến công.

- Chủ trì rà soát, tổng hợp, đăng ký nhu cầu hỗ trợ khuyến công của các cơ sở CNNT trên địa bàn; phối hợp triển khai các nội dung, đề án khuyến công khi được phê duyệt; thực hiện chế độ báo cáo đầy đủ theo quy định.

- Giám sát các hoạt động khuyến công trên địa bàn, đặc biệt đối với các cơ sở CNNT được hỗ trợ từ nguồn kinh phí theo chương trình, đề án khuyến công.

7. Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan, UBND các xã, phường tuyên truyền, xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch, đề án khuyến công hàng năm trên địa bàn tỉnh theo các nội dung của Chương trình này.

- Hàng năm xây dựng dự toán kinh phí để triển khai các đề án thực hiện bằng nguồn kinh phí khuyến công Quốc gia gửi Sở Công Thương thẩm định trình Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công thẩm định, trình Bộ Công Thương phê duyệt; xây dựng dự toán kinh phí để triển khai các đề án thực hiện bằng nguồn ngân sách địa phương gửi Sở Tài chính thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

- Trực tiếp tổ chức triển khai các đề án, nhiệm vụ khuyến công được giao; tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá hiệu quả thực hiện các đề án khuyến công trên địa bàn tỉnh nhằm bảo đảm hoàn thành tốt các mục tiêu của Chương trình đề ra.

- Tổng hợp báo cáo định kỳ kết quả triển khai thực hiện Chương trình, đề án khuyến công về Sở Công Thương trước 20/6 và 20/12 hàng năm hoặc báo cáo đột xuất theo yêu cầu.

8. Các cơ sở công nghiệp nông thôn

- Tích cực nghiên cứu, ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến, tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong sản xuất kinh doanh.

- Căn cứ vào nhu cầu sản xuất, kinh doanh của cơ sở, trên cơ sở nghiên cứu nội dung chương trình khuyến công, từ đó tích cực đăng ký tham gia thực hiện chương trình.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các sở, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (*thông qua Sở Công Thương*) để xem xét, điều chỉnh cho phù hợp./.

Phụ lục
NỘI DUNG VÀ DỰ KIẾN KINH PHÍ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH KHUYẾN CÔNG

TT	Nội dung hỗ trợ	Đơn vị tính	Số lượng										Kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)											
			Tổng số	Năm 2026		Năm 2027		Năm 2028		Năm 2029		Năm 2030		Tổng kinh phí	Năm 2026		Năm 2027		Năm 2028		Năm 2029		Năm 2030	
				KC quốc gia	KC địa phương	KC quốc gia	KC địa phương	KC quốc gia	KC địa phương	KC quốc gia	KC địa phương	KC quốc gia	KC địa phương		KC quốc gia	KC địa phương	KC quốc gia	KC địa phương	KC quốc gia	KC địa phương	KC quốc gia	KC địa phương	KC quốc gia	KC địa phương
1	Hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật; chuyển giao công nghệ và ứng dụng máy móc tiên tiến, tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất CN-TTCN; hỗ trợ áp dụng sản xuất sạch hơn, sản xuất và tiêu dùng bền vững																							
-	Hỗ trợ mô hình trình diễn kỹ thuật để phổ biến công nghệ mới, sản xuất sản phẩm mới	Mô hình	2	0	0	0	0	0	1	0	0	1	0	2.000	0	0	0	0	0	1.000	0	0	1.000	0
-	Mô hình của các cơ sở công nghiệp nông thôn đang hoạt động có hiệu quả cần phổ biến tuyên truyền, nhân rộng để các tổ chức cá nhân khác học tập	Mô hình	2	0	0	0	0	1	0	0	1	0	200	0	0	0	0	0	100	0	0	100	0	
-	Hỗ trợ xây dựng mô hình thí điểm về áp dụng sản xuất sạch hơn trong công nghiệp cho các cơ sở sản xuất công nghiệp	Mô hình	2	0	0	1	0	0	0	1	0	0	1.000	0	0	500	0	0	0	0	500	0	0	
-	Hỗ trợ ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến, chuyển giao công nghệ tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất công nghiệp - tiêu thụ công nghiệp	Cơ sở	23	1	2	2	3	2	3	2	3	2	3	6.900	300	600	600	900	600	900	600	900	600	900
-	Hỗ trợ đẩy chuyển công nghệ tiên bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất công nghiệp - tiêu thụ công nghiệp	Cơ sở	5	0	0	1	1	1	0	0	1	1	0	2.250	0	0	450	450	450	0	0	450	450	0
2	Hỗ trợ phát triển sản phẩm công nghiệp nông thôn																							
-	Tổ chức bình chọn và trao giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh	Đợt	2	0	0	0	0	0	1	0	0	0	1	600	0	0	0	0	0	300	0	0	0	300

-	Hỗ trợ phòng trưng bày giới thiệu quảng bá các sản phẩm công nghiệp nông thôn và các sản phẩm đặc trưng của tỉnh tại siêu thị, nhà hàng, khách sạn, điểm dừng nghỉ trên quốc lộ, ... gắn với các khu du lịch, khu dân cư, trung tâm hành chính	Phòng	5	0	1	0	1	0	1	0	1	0	1	1.250	0	250	0	250	0	250	0	250	0	250
-	Hỗ trợ cơ sở CNNT có sản phẩm CNNT tiêu biểu cấp quốc gia trưng bày, giới thiệu sản phẩm tại cơ sở	Cơ sở	20	0	0	0	5	0	5	0	5	0	5	1.000	0	0	0	250	0	250	0	250	0	250
-	Hỗ trợ cơ sở CNNT có sản phẩm CNNT tiêu biểu cấp tỉnh trưng bày, giới thiệu sản phẩm tại cơ sở	Cơ sở	25	0	5	0	5	0	5	0	5	0	5	750	0	150	0	150	0	150	0	150	0	150
-	Tổ chức hội chợ triển lãm hàng công nghiệp nông thôn, hàng thủ công mỹ nghệ trong nước	Hội chợ	1	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	1.280	0	0	0	0	0	0	1.280	0	0	0
-	Hỗ trợ các cơ sở công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp tham gia 05 hội chợ, triển lãm trong nước	Hội chợ	5	0	1	0	1	0	1	0	1	0	1	500	0	100	0	100	0	100	0	100	0	100
-	Tham gia hội chợ, triển lãm quảng bá các sản phẩm công nghiệp tiêu biểu và sản phẩm OCOP của tỉnh	Hội chợ	9	0	1	0	2	0	2	0	2	0	2	900	0	100	0	200	0	200	0	200	0	200
-	Hỗ trợ chi phí vé máy bay cho cơ sở công nghiệp nông thôn tham gia khảo sát, học tập kinh nghiệm tại nước ngoài	Cơ sở	8	0	0	0	0	0	4	0	0	0	4	200	0	0	0	0	0	100	0	0	0	100
-	Hỗ trợ xây dựng và đăng ký nhãn hiệu sản phẩm công nghiệp nông thôn	Nhãn hiệu	50	0	10	0	10	0	10	0	10	0	10	1.750	0	350	0	350	0	350	0	350	0	350
-	Hỗ trợ cơ sở công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp thuê tư vấn, trợ giúp thiết kế mẫu mã, bao bì đóng gói	Cơ sở	45	0	5	0	10	0	10	0	10	0	10	1.575	0	175	0	350	0	350	0	350	0	350
3	Hỗ trợ xúc tiến đầu tư phát triển cụm công nghiệp; xử lý môi trường tại các cụm công nghiệp, cơ sở công nghiệp nông thôn																							
-	Hỗ trợ công nghệ, máy móc thiết bị xử lý nước thải, khí thải tại cụm công nghiệp	Cụm	2	0	0	0	0	1	0	0	0	1	0	600	0	0	0	0	300	0	0	0	300	0
4	Hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực có chất lượng; nâng cao năng lực quản lý; tư vấn, trợ giúp các cơ sở CNNT																							
-	Hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật nâng cao kiến thức nâng cao tay nghề cho thợ giỏi, nghệ nhân tiểu thủ công nghiệp, truyền nghề cho người lao động.	Lớp	4	0	0	0	1	0	1	0	1	0	1	200	0	0	0	50	0	50	0	50	0	50

-	Hỗ trợ thành lập doanh nghiệp sản xuất công nghiệp nông thôn tại các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật	Doanh nghiệp	6	0	0	0	0	0	2	0	2	0	2	60	0	0	0	0	0	20	0	20	0	20
5	Hỗ trợ tư vấn thông tin phát triển CNNT; công tác truyền thông																							
-	Thực hiện xây dựng chương trình truyền hình, truyền thanh truyền, phổ biến chính sách phát triển công nghiệp - tiêu thụ công nghiệp	Chương trình	4	0	0	0	1	0	1	0	1	0	1	200	0	0	0	50	0	50	0	50	0	50
-	Xuất bản báo tin, ấn phẩm về các hoạt động trong sản xuất công nghiệp - tiêu thụ công nghiệp	Bản tin	5.000	0	0	0	0	0	2.500	0	2.500	0	0	250	0	0	0	0	0	125	0	125	0	0
-	Tổ chức chương trình tuyên truyền sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả	Hội nghị	24	0	4	0	5	0	5	0	5	0	5	1.200	0	200	0	250	0	250	0	250	0	250
6	Nâng cao năng lực tổ chức thực hiện các hoạt động khuyến công																							
-	Tham dự các hội nghị, hội thảo, tập huấn về chương trình hoạt động khuyến công do Bộ Công Thương tổ chức tại các tỉnh, thành phố	Lượt	5	0	1	0	1	0	1	0	1	0	1	250	0	50	0	50	0	50	0	50	0	50
-	Tổ chức đoàn khảo sát, học tập kinh nghiệm về hoạt động khuyến công, khuyến khích phát triển công nghiệp, cụm công nghiệp ở trong nước	Đoàn	4	0	0	0	1	0	1	0	1	0	1	250	0	0	0	62.5	0	62.5	0	62.5	0	62.5
-	Tổ chức đoàn khảo sát, học tập kinh nghiệm về hoạt động khuyến công, khuyến khích phát triển công nghiệp, cụm công nghiệp tại nước ngoài	Đoàn	1	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	300	0	0	0	0	0	0	0	300	0	0
-	Kiểm tra, giám sát, hướng dẫn triển khai thực hiện các chương trình, đề án khuyến công hàng năm	Xã/ phường	5	0	1	0	1	0	1	0	1	0	1	500	0	100	0	100	0	100	0	100	0	100
Tổng kinh phí dự kiến thực hiện Chương trình														25.965	300	2.075	1.550	3.563	1.350	4.758	1.880	4.508	2.450	3.533